

Số: 135/2024/QĐST-HNGĐ

**L**, ngày 16 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 201/2024/TLST - HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Thành L**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: **Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.**

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Lâm Ái M**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: **ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Phạm Thành L** và chị **Nguyễn Lâm Ái M**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh **Phạm Thành L** và chị **Nguyễn Lâm Ái M** không có con chung.

- Về tài sản chung và khoản nợ phải thu, phải trả: Anh **Phạm Thành L** và chị **Nguyễn Lâm Ái M** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh **Phạm Thành L** tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh **L** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001015 ngày 08/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ. Hoàn trả cho anh **Phạm Thành L** số tiền còn lại là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Bé Tư**